

Bản án số: 105/2020/HS-ST
Ngày 12-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Cao Biên và ông Nguyễn Đình Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Diệp Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 106/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

NGUYỄN HỮU T, sinh năm 1999; ĐKKHKT: Thôn TK, xã TT, huyện TT1, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Kim T1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 25/3/2020 đến ngày 28/3/2020; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Trần Đức T2, sinh năm 1997; ĐKKHKT: Thôn PLH, xã PL, huyện UH, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số x Ngõ 129 NX, phường HĐ1, quận TX, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 25/3/2020, khi Nguyễn Hữu T đang ở nhà của mình tại thôn TK, xã TT, huyện TT1, thành phố Hà Nội thì anh Lê Đình P, sinh năm 1996, trú tại: Số Y, Ngõ 133 NVT, phường ML, quận HĐ, thành phố Hà Nội (là bạn quen biết của T) rủ

T sang phòng trọ của anh P chơi, T đồng ý và điều khiển xe máy đến phòng trọ của anh P tại địa chỉ trên. T ngồi chơi với anh P đến khoảng hơn 15 giờ cùng ngày thì anh P có việc phải đi làm, T ở lại phòng trọ của anh P. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, T đi về thì phát hiện thấy tại tầng 1 khu để xe của dãy nhà trọ có nhiều xe máy không khóa cở, không khóa càng, không có camera và không có người trông giữ nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản mang đi bán lấy tiền ăn tiêu.

Thực hiện ý định trên, T điều khiển xe máy của mình về nhà cất rồi đi xe ôm của người không quen biết đến khu vực cổng Trường THPT Hà Đông, sau đó đi bộ vào khu trọ của anh P. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi tới trước cửa khu trọ, T mở cửa sắt vào trong, quan sát xung quanh thấy không có ai trông giữ xe nên T đã lấy chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, sơn màu nâu, BKS 29G1-224.92, SM 1578659, SK 278603 không khóa cở, không khóa càng của anh Trần Đức T2, sinh năm 1997; ĐKHKTT: Thôn PLH, xã PL, huyện UH, thành phố Hà Nội mang ra ngoài đường và đóng cửa sắt khu trọ. Sau khi lấy được chiếc xe của anh T2, T dắt xe máy đi tìm nơi mở khóa xe, khi đi đến đoạn đường trước khu vực đầu Ngõ 2 Trần Phú, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông thì bị Tổ công tác Công an phường Mỗ Lao kiểm tra tra hành chính, do T không giải thích được nguồn gốc chiếc xe máy và không xuất trình được giấy tờ nên Tổ công tác đã đưa T về trụ sở Công an phường Mỗ Lao để làm việc.

Tại Công an phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Nguyễn Hữu T đã xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01(một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, sơn màu nâu, BKS 29G1-224.92, số máy 1578659, số khung 278603, đã qua sử dụng, là tài sản Nguyễn Hữu T đã chiếm đoạt của anh Trần Đức T2.

Tại Biên bản định giá tài sản số 112/BB-HĐĐG ngày 26/3/2020 và Kết luận định giá tài sản số 112/KL-HĐĐG ngày 26/3/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự quận Hà Đông, kết luận: Giá trị 01(một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 29G1-224.92, sơn màu nâu, số máy 1578659, số khung 278603, đã qua sử dụng, thu được tang vật, tại thời điểm định giá là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ngày 24/4/2020, Cơ quan điều tra đã trả bị hại Trần Đức T2 chiếc xe máy, anh T2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm.

Trong giai đoạn điều tra, Nguyễn Hữu T khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 109/CT-VKS-HĐ ngày 28/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội luận tội cho rằng tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận tội phù hợp các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên giữ nguyên nội dung truy tố. Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng xấu trật tự xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, cần thiết đưa bị cáo ra xét xử. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu, phạm tội ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy không cần áp dụng hình phạt tù giam mà có thể cho bị cáo hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe tội phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 06 đến 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông; Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

Về đánh giá chứng cứ trong vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hữu T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản kiểm tra hành chính, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Hữu T biết tại tầng 1 khu để xe của dãy nhà trọ địa chỉ Số Y, Ngõ 133 NVT, phường ML, quận HĐ, thành phố Hà Nội có nhiều xe máy không khóa cổ, không khóa càng, không có camera và không có người trông giữ nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản mang đi bán lấy tiền ăn tiêu.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 25/3/2020, T đến trước cửa khu trọ, mở cửa sắt vào trong, quan sát xung quanh thấy không có ai trông giữ xe nên T đã lấy chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS 29G1-224.92, trị giá 12.500.000 đồng của anh Trần Đức T2 mang ra ngoài đường đi tìm nơi mở khóa xe, đến khu vực đầu Ngõ 2 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông thì bị kiểm tra hành chính. T đã khai nhận hành vi phạm tội. Anh Trần Đức T2 đã được nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm.

Bị cáo là người có nhận thức đầy đủ về hành vi của mình, cố ý lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản có giá trị 12.500.000 đồng nên hành vi của bị cáo thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và các tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Giá trị tài sản bị chiếm đoạt không lớn, đã thu hồi trả bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường thêm; bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nhất thời phạm tội do cơ hội; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiện có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo nói riêng, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tài sản, không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu T cho Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TT1, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Hữu T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời hạn thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Hữu T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/6/2020; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú, hoặc cư trú cuối cùng.

Nơi nhận:

- Công an quận Hà Đông;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Ánh